

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HƯNG YÊN
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2022/DS- ST

Ngày: 06/12/2022.

*“V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HƯNG YÊN – TỈNH HƯNG YÊN
Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thúy Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hệ.

2. Bà Vũ Thị Thùy Đông.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Tạ Ngọc Nam - Thẩm tra viên Tòa án.

- **Đại diện VKSND thành phố Hưng Yên:** Bà Trần Thị Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên mở phiên tòa công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 45/2022/TLST - DS ngày 04/11/2022, về việc *“tranh chấp hợp đồng tín dụng”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXX - DS ngày 21/11/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP BDLV; Địa chỉ: Tầng 1, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 210 Tr, phường Trảng T, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Chí C - Giám đốc Ngân hàng TMCP BDLV, Chi nhánh Hưng Yên; Người được ủy quyền lại ông Vũ Trung K - Trưởng phòng hỗ trợ hoạt động Ngân hàng TMCP BDLV, Chi nhánh Hưng Yên. “vắng mặt”

2. Bị đơn: Ông Trương Thành Ph, sinh năm 1985; HKTT: Số 45 đường Phạm Ngũ L, phường Quang Tr, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. “vắng mặt”

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Ph1**, sinh năm 1993; Trú tại: Số 45 đường Phạm Ngũ L, phường Quang Tr, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có liên quan, đại diện nguyên đơn Ngân hàng TMCP BDLV trình bày như sau:

Ngày 18/04/2017, Ngân hàng TMCP BDLV (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Trương Thành Ph cùng thống nhất ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD38021702, với nội dung chính như sau: Ngân hàng cho ông Ph vay với số tiền là **300.000.000 đồng**; Mục đích vay để mua sắm đồ dùng gia đình; Thời hạn vay là 60 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần; Loại hình cho vay không tài sản bảo đảm; Lãi suất vay: lãi suất cho vay cố định trong 03 tháng đầu là 12,85%/năm; Phương thức điều chỉnh lãi suất: Áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất cho vay = Lãi suất tiết kiệm 13 tháng + tối thiểu 4,75%/năm; Lãi suất nợ gốc quá hạn: = 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm; Phương thức trả nợ: Trả nợ gốc cố định, lãi theo dư nợ thực tế; Các kỳ hạn trả nợ, gồm: Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả 01 tháng/kỳ, bao gồm 60 kỳ, trong đó mỗi kỳ trả 5.000.000 VNĐ vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 10/05/2017; Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả 01 tháng/kỳ, vào ngày 25 hàng tháng. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 25/05/2017. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Trương Thanh Phúc đúng như trong hợp đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày vay vốn đến nay ông Trương Thành Ph thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ và khoản vay đã chuyển quá hạn từ kỳ trả nợ ngày 25/06/2021.

Kể từ khi khoản vay chuyển sang quá hạn Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc và tạo điều kiện cho ông Trương Thành Ph trả nợ nhưng ông Ph chưa thực hiện đúng nghĩa vụ cam kết theo hợp đồng. Vì vậy, Ngân hàng TMCP BDLV khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Trương Thành Ph phải trả toàn bộ khoản vay Ngân hàng TMCP BDLV theo Hợp đồng tín dụng số HDTD38021702 ngày 18/04/2017 với tổng số tiền tạm tính đến ngày 07/11/2022 là 61.048.236 đồng (Trong đó: nợ gốc là 49.415.775 đồng; lãi trong hạn là 2.935.855 đồng; lãi quá hạn là 8.696.606 đồng). Đồng thời, ông Ph tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi trả toàn bộ khoản vay. Không đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm của bà Nguyễn Thị Ph1 là vợ ông Ph đối với khoản vay còn nợ của ông Ph.

* Bị đơn ông **Trương Thành Ph** trình bày: xác nhận nội dung vay của Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, chi nhánh Hưng Yên với số tiền như Ngân hàng cung cấp và đề nghị Ngân hàng xem xét tạo điều kiện về thời gian để trả nợ. Hàng tháng sẽ thanh toán trả Ngân hàng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi trả xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký kết.

Mặc dù, trong Hợp đồng tín dụng số HDTĐ38021702, ngày 18/04/2017 thể hiện nội dung mục đích vay là “mua sắm đồ dùng gia đình”. Tuy nhiên, sau khi nhận được khoản tiền vay ông Ph đã sử dụng vào mục đích cá nhân, bà Nguyễn Thị Ph1 (là vợ) không được sử dụng số tiền nhận được từ khoản vay của Ngân hàng nên ông Ph sẽ tự chịu trách nhiệm chi trả toàn bộ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị Ph1 tham gia tố tụng.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị Ph1** trình bày: Việc ông Ph vay Ngân hàng bà Ph1 không biết và không được sử dụng từ khoản tiền ông Ph vay; đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng, từ chối tham gia tố tụng.

* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã giải thích cho các đương sự về quyền và nghĩa vụ, giải thích việc tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bị đơn từ chối tham gia đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt; người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Các đương sự trong vụ án đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hưng Yên trình bày quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, thu thập chứng cứ, công bố chứng cứ và niêm yết công khai văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về đề xuất đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 228 BLTTDS. Điều 275, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1]Về tố tụng: Ngày 01 tháng 11 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP BDLV với yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Thành Ph phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hiện nay, ông Trương Thành Ph đăng ký hộ

khẩu thường trú và sinh sống tại địa bàn thành phố Hưng Yên và mục đích vay vốn của ông Ph là để phục vụ nhu cầu tiêu dùng nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hưng Yên và quan hệ pháp luật cần giải quyết là “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự, do các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, HĐXX thấy:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:

Khoản vay của ông Trương Thành Ph theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân TMCP Bưu điện Liên Việt, Chi nhánh Hưng Yên là khoản vay nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông Thành và bà Ph1. Mặc dù mục đích vay tiền thể hiện trong hợp đồng là để mua sắm đồ dùng gia đình nhưng cả ông Ph và bà Ph1 đều xác nhận: ông Ph là người thực hiện giao dịch ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng; sau khi nhận được số tiền vay của Ngân hàng ông Ph đã sử dụng vào mục đích cá nhân, không mua sắm đồ dùng gia đình; bà Ph1 không biết và không được sử dụng số tiền ông Ph được Ngân hàng cho vay. Ngoài ra, Ngân hàng không đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm của bà Ph1 đối với khoản tiền ông Ph vay Ngân hàng nên căn cứ khoản 3 Điều 45 Luật Hôn nhân gia đình, xác định đây là khoản nợ riêng của ông Ph nên ông Ph phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

2.2. Xét Hợp đồng tín dụng số HDTD38021702 ngày 18/04/2017.

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP BĐLV, Chi nhánh Hưng Yên và ông Trương Thành Ph với các nội dung chính được nêu ở phần Nội dung vụ án thể hiện: Về hình thức được lập thành văn bản, phù hợp với các quy định của pháp luật. Về nội dung là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên; là hình thức cho vay tín chấp, không có tài sản bảo đảm; không vi phạm điều cấm của pháp luật; không trái đạo đức xã hội nên có giá trị về mặt pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Thực tế, Ngân hàng đã thực hiện việc giải ngân số tiền 300.000.000 đồng cho ông Ph, ông Ph đã nhận đủ tiền. Sau khi nhận được tiền, ông Ph đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 250.584.225 đồng nợ gốc và 95.150.355 đồng tiền lãi, sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã cam kết.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng đề nghị xét xử vắng mặt và gửi bảng kê số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử 06/12/2022, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Ph phải trả Ngân hàng tổng số tiền là **62.605.709 đồng** (trong đó nợ gốc là 49.415.775 đồng; nợ lãi trong hạn quá hạn là 2.935.855 đồng; nợ lãi quá

hạn là 10.254.079 đồng. Do đây là số tiền tạm tính đến hết ngày 06/12/2022, nên ông Ph còn tiếp tục phải trả lãi cho Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử 06/12/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ. Đồng thời, Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thuộc sở hữu của ông Trương Thành Ph để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] *Về án phí*: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Bị đơn Nguyễn Ông Ph phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm. Hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 ; Điều 228 BLTTDS. Điều 275, 280, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP BDLV.

1. Buộc bị đơn ông Trương Thành Ph phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số HDTD38021702 ngày 18/04/2017 được kết giữa ông Trương Thành Ph và Ngân hàng TMCP BDLV, Chi nhánh Hưng Yên với tổng số tiền gốc và lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 06/12/2022 là **62.605.709 đồng** (trong đó nợ gốc là 49.415.775 đồng; nợ lãi trong hạn quá hạn là 2.935.855 đồng; nợ lãi quá hạn là 10.254.079 đồng).

Ông Trương Thành Ph còn tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 07/12/2022 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD38021702 ngày 18/04/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc.

2. Ngân hàng TMCP BDLV có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thuộc sở hữu của ông Trương Thành Ph để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Bị đơn ông Trương Thành Ph phải chịu 3.130.285 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP BDLV số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ theo Biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0001327, ngày 04/11/2022.

Các đương sự trong vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trọng hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận.

- VKSND thành phố Hưng Yên;
- Chi cục THADS T.P Hưng Yên;
- Phòng nghiệp vụ & THA, TAND tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đào Thúy Hà